

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAM LỘ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2024/DS - ST**
Ngày: 24 – 6 - 2024
V/v tranh chấp “Hợp đồng cầm cố
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Tăng Hữu
2. Bà Trần Thị Thúy Sâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hằng

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2024 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2023/TLST- DS ngày 30 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXX-ST ngày 15 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần S (trước đây là Công ty TNHH S1); địa chỉ trụ sở chính: Số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An; đại diện theo pháp luật: ông Kanokwatpaisal N - Chức vụ: Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh N1, sinh năm: 1991; địa chỉ: Số H Quốc lộ I, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (Văn bản ủy quyền số 04 – 06/2023/UQ – SVN ngày 01/01/2023), có mặt.

Bị đơn: bà Lương Thị Mai H, sinh năm 1970, địa chỉ: T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 09 tháng 11 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/06/2019, Công ty TNHH S1 (nay là Công ty cổ phần S Có Ngay) và bà Lương Thị Mai H ký hợp đồng cầm cố tài sản số DHC190601006NA17X để đảm bảo cho việc vay số tiền 69.000.000 đồng. Tài sản bảo đảm là xe ô tô biển

kiểm soát 74A-063.86, loại xe Chevrolet Spark, màu: ghi, thời hạn cầm cố là 24 tháng, kể từ ngày 17/6/2019, mức lãi suất cầm cố tài sản là 1,0%/tháng, bà Hồ Thị Bích T là người cam kết bảo lãnh khoản vay trên cho bà H. Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho bà H. Do có nhu cầu đi lại nên bà H đã mượn lại xe để sử dụng và được Công ty đồng ý bằng giấy mượn xe. Thời hạn mượn xe là từ ngày 17/6/2019 đến 17/7/2019. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng hợp đồng đã ký kết, đồng thời cũng không trả lại xe ô tô cho Công ty cổ phần S Có Ngay. Công ty cổ phần S Có Ngay khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Lương Thị Mai H:

- Thanh toán theo hợp đồng cầm cố tài sản số tiền tạm tính đến ngày 09/11/2023 là 108.109.000 đồng trong đó: Nợ gốc: 44.164.875,30 đồng; Nợ lãi: 1.481.364,45 đồng; Phí quản lý hồ sơ: 3.454.302,29 đồng; P mượn xe: 8.970.000 đồng; Phí trễ hạn: 45.637.999 đồng; Phí phạt bổ sung do trễ hạn: 4.400.000 đồng. Bà Lương Thị Mai H còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 09/11/2023 cho đến khi tất toán khoản vay. Trường hợp bà Lương Thị Mai H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu bà Hồ Thị Bích T thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay trên.

- Nếu bà H không thanh toán số tiền trên thì phải trả lại xe ô tô biển kiểm soát 74A-063.86, loại xe Chevrolet Spark, màu: ghi, số khung: RLLMF48DJGH938440, số máy: B12D1Z2162016HLSX0245 để xử lý thu hồi nợ.

Tại văn bản ngày 05/6/2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: rút yêu cầu đối với phí quản lý hồ sơ, khoản phí phạt bổ sung do trễ hạn, phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn xe, trách nhiệm bảo lãnh của bà Hồ Thị Bích T và yêu cầu bà Lương Thị Mai H trả lại xe cho công ty. Nguyên đơn yêu cầu buộc bà Lương Thị Mai H trả cho nguyên đơn số tiền vay: 78.770.000 đồng, trong đó tiền gốc: 44.164.876 đồng; tiền lãi trong hạn 1.481.365 đồng; tiền lãi quá hạn tính đến ngày 24/6/2024: 33.123.657 đồng. Bà H phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất quá hạn cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp bà Lương Thị Mai H không trả hoặc trả không đầy đủ thì nguyên đơn yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản cầm cố là chiếc ô tô biển kiểm soát: 74A – 063.86, loại xe: Chevrolet Spark, số khung: RLLMF48DJGH938440, số máy: B12D1Z2162016HLSX0245; số giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009566 do Công an tỉnh Q cấp ngày 09/3/2017 để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bà Lương Thị Mai H yêu cầu trả số tiền vay theo hợp đồng cầm cố tài sản, đồng thời xử lý tài sản cầm cố của bà H. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “Hợp đồng cầm cố tài sản”. Bị đơn bà Lương Thị Mai H có nơi đăng ký thường trú tại huyện C, tỉnh Quảng Trị nên căn cứ vào theo quy định tại

khoản 9 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ. Tại phiên tòa, bị đơn bà Lương Thị Mai H vắng mặt lần thứ hai, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về số tiền vay ghi tại Hợp đồng cầm cố, Hội đồng xét xử xét thấy: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền gốc: 44.164.876 đồng; tiền lãi trong hạn (1%/tháng): 1.481.365 đồng, lãi quá hạn 150% lãi trong hạn (1,5%/tháng) tính đến ngày 24/6/2024 là 33.123.657 đồng, tổng cộng: 78.770.000 đồng, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự nên chấp nhận yêu cầu nguyên đơn.

[2.2] Hợp đồng cầm cố tài sản số DHC190601006NA17X tài sản bảo đảm là xe ô tô biển kiểm soát 74A-063.86, loại xe Chevrolet Spark, màu: ghi, thời hạn cầm cố là 24 tháng, kể từ ngày 17/6/2019, mức lãi suất cầm cố tài sản là 1,0%/tháng để đảm bảo cho việc vay tiền được ký kết giữa Công ty với bà Lương Thị Mai H trên cơ sở tự nguyện, nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cầm cố đã được đăng ký giao dịch bảo đảm trên hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục Đ, bà H đã nhận đủ tiền vay theo hợp đồng; căn cứ vào các Điều 309, Điều 310 và khoản 2 Điều 314 của Bộ luật dân sự có căn cứ khẳng định hợp đồng cầm cố là hợp pháp và có hiệu lực. Bị đơn vi phạm hợp đồng cầm cố, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản cầm cố để thu hồi nợ.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phí quản lý hồ sơ, khoản phí phạt bổ sung do trễ hạn, phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn xe, trách nhiệm bảo lãnh của bà Hồ Thị Bích T và yêu cầu bà Lương Thị Mai H trả lại xe cho công ty, xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, nên áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu này.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật, cụ thể: 78.770.000 đồng x 5% = 3.938.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227, khoản 2 Điều 244 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 309, Điều 310, khoản 2 Điều 314, khoản 5 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tuyên xử:

1.1. Buộc bà Lương Thị Mai H phải trả cho Công ty S Có Ngay, số tiền: 78.770.000 đồng (*Bảy mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng*), trong đó tiền gốc: 44.164.876 đồng; tiền lãi trong hạn 1.481.365 đồng; tiền lãi quá hạn tính đến ngày 24/6/2024: 33.123.657 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm bên phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm thi hành án trên số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn (1,5%/tháng) quy định tại Hợp đồng cầm cố đã ký kết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

1.2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền phí quản lý hồ sơ, khoản phí phạt bổ sung do trễ hạn, phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn xe, trách nhiệm bảo lãnh của bà Hồ Thị Bích T và yêu cầu bà Lương Thị Mai H trả lại xe cho công ty.

1.3. Trong trường hợp bà Lương Thị Mai H không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền vay còn nợ, thì Công ty cổ phần S Có Ngay có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản cầm cố là 01 chiếc ô tô biển kiểm soát: 74A – 063.86, loại xe: Chevrolet Spark, số khung: RLLMF48DJGH938440, số máy: B12D1Z2162016HLSX0245; số giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009566 do Công an tỉnh Q cấp ngày 09/3/2017 để thu hồi nợ (xe đang do bà Lương Thị Mai H giữ).

2. Về án phí: Bị đơn phải chịu 3.938.500 đồng (*Ba triệu chín trăm ba mươi tám nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 2.702.725 đồng (*Hai triệu bảy trăm lẻ hai nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng*) theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/2023/0000022 ngày 29/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lộ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Cam Lộ;
- Chi cục THADS huyện Cam Lộ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quý

